

Dự thảo 5**LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về việc tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoa học* là hệ thống tri thức giúp con người hiểu rõ bản chất và quy luật phát triển của thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Công nghệ* là việc áp dụng những hiểu biết khoa học để tạo ra công cụ, vật liệu, kỹ thuật và quy trình phục vụ cuộc sống và sản xuất, kinh doanh.

3. *Đổi mới sáng tạo* là quá trình tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình quản lý dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo nâng cao hiệu suất nhằm nâng cao giá trị gia tăng hiệu quả kinh tế, xã hội và chất lượng cuộc sống.

4. *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động tìm tòi, khám phá để hiểu rõ bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội hoặc tạo ra giải pháp mới để ứng dụng vào thực tế.

5. *Nghiên cứu cơ bản* là nghiên cứu nhằm tìm hiểu các nguyên lý nền tảng mà chưa có mục tiêu ứng dụng ngay.

6. *Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng* là nghiên cứu tập trung vào các nguyên lý khoa học nhưng có tiềm năng ứng dụng trong tương lai.

7. *Nghiên cứu ứng dụng* là nghiên cứu sử dụng kiến thức khoa học để tạo ra giải pháp cho các vấn đề thực tế.

8. *Kiểm thử thí điểm* là thử nghiệm một sản phẩm, quy trình hoặc giải pháp trên quy mô nhỏ để đánh giá tính hiệu quả trước khi triển khai rộng rãi.

9. *Sản xuất thử nghiệm* là việc sản xuất một sản phẩm mới ở quy mô nhỏ để kiểm tra chất lượng và khả năng thương mại trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

10. *Phát triển thử nghiệm* là quá trình thử nghiệm và hoàn thiện một giải pháp, công nghệ hoặc sản phẩm mới dựa trên tri thức khoa học và kinh nghiệm thực tế.

11. *Phát triển công nghệ* là quá trình nghiên cứu ứng dụng để tạo ra công nghệ mới hoặc cải tiến công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất, mở rộng khả năng ứng dụng và đưa vào sản xuất thực tế.

12. *Hoạt động đổi mới sáng tạo* là việc tạo ra hoặc cải tiến hàng hóa, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình làm việc dựa trên nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giúp tăng giá trị kinh tế và cải thiện xã hội.

13. *Khởi nghiệp sáng tạo* là quá trình xây dựng một doanh nghiệp mới dựa trên công nghệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh sáng tạo, nhằm giải quyết các vấn đề của thị trường hoặc xã hội và có tiềm năng thay đổi ngành nghề truyền thống.

14. *Dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm kiểm tra, phân tích, tiêu chuẩn hóa, đo lường, bảo trì thiết bị, tư vấn, đào tạo, sở hữu trí tuệ, chuyên gia công nghệ, truyền thông và phổ biến tri thức.

15. *Hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo* là các chương trình, chính sách cung cấp nguồn lực, tư vấn và dịch vụ giúp doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

16. *Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* bao gồm nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra tác động kinh tế, xã hội và môi trường.

17. *Tổng công trình sư* là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, định hướng và thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế - xã hội.

18. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là đơn vị chuyên nghiên cứu, phát triển công nghệ, cung cấp các dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

19. *Trung tâm nghiên cứu và phát triển* là đơn vị chuyên thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được công nhận theo tiêu chí năng lực và hiệu quả hoạt động.

20. *Trung tâm đổi mới sáng tạo* là tổ chức thực hiện và hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, được công nhận theo các tiêu chí cụ thể về năng lực và kết quả hoạt động.

21. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp mới thành lập sử dụng công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới để tạo ra giá trị đột phá, giải quyết các vấn đề của thị trường theo cách sáng tạo, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của người dân.

22. *Hệ thống đổi mới sáng tạo* là sự kết nối giữa các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp và nhà nước nhằm tạo điều kiện cho việc phát triển, ứng dụng và thương mại hóa các ý tưởng khoa học và công nghệ.

23. *Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo* là môi trường gồm các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư và chính sách hỗ trợ giúp thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

24. *Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia* là nền tảng số giúp quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 4. Áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trường hợp Luật này có quy định khác với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì áp dụng quy định của Luật này.

2. Trường hợp luật hoặc nghị quyết của Quốc hội được ban hành sau khi Luật này có hiệu lực và có nội dung khác biệt liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thì luật hoặc nghị quyết đó phải quy định rõ về việc áp dụng pháp luật; trường hợp chưa có quy định cụ thể nhưng cần thiết cho sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam

1. Ngày 18 tháng 5 hàng năm là Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển bền vững, bảo vệ giá trị đạo đức xã hội và phẩm giá con người.

2. Thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của các thành phần trong xã hội, gắn kết với giáo dục, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực khác.

3. Xây dựng và phát triển năng lực nội tại về khoa học, công nghệ; kết hợp tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

4. Bảo đảm tính tự chủ, sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hướng tới sự phát triển của đất nước.

5. Đề cao tính trung thực, khách quan, đạo đức nghề nghiệp; khuyến khích tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 7. Các hành vi bị cấm

1. Các hành vi bị cấm bao gồm các hành vi trái pháp luật trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; cản trở hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lợi dụng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến con người

1. Các nghiên cứu trong lĩnh vực y tế, công nghệ sinh học và các công nghệ có liên quan trực tiếp đến con người phải được hội đồng đạo đức chuyên ngành phê duyệt theo quy định của pháp luật về y tế.

2. Việc nghiên cứu và phát triển các hệ thống tự động, trí tuệ nhân tạo có khả năng thay thế con người trong một số công việc phải đảm bảo nguyên tắc lấy con người làm trung tâm và đặt dưới sự kiểm soát của con người.

Điều 9. Đạo đức, liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan, tổ chức tài trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cũng như các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm giám sát, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm đạo đức trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm ngụy tạo dữ liệu, gian lận và đạo văn.

2. Cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nghĩa vụ tuân thủ quy tắc đạo đức và trách nhiệm liêm chính trong công việc. Các tổ chức phải ban hành và thực hiện các quy định nội bộ về đạo đức và liêm chính trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố kết quả hoạt động qua các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm công bố thông tin về các hoạt động, kết quả của nhiệm vụ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương II.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 11. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây nhằm bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo:

1. Ưu tiên và huy động tối đa nguồn lực quốc gia cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai các cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt của lĩnh vực này đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; bảo đảm sự gắn kết giữa phát triển khoa học, công nghệ với nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

3. Chuyển dịch nghiên cứu cơ bản về cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích và hỗ trợ viện nghiên cứu, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, nghiên cứu làm chủ và sáng tạo công nghệ mới nhằm nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp Việt Nam.

4. Xây dựng và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia với doanh nghiệp và người dân là trung tâm; trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh; nhà khoa học và kỹ sư là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò định hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng vào các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, chiến lược; áp dụng chính sách đãi ngộ đặc biệt để thu hút, đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Phát triển và hoàn thiện thị trường khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

7. Khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, đầu tư vào nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy vai trò của khu vực tư nhân trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

8. Tạo điều kiện để các hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường khu vực và quốc tế.

10. Phát triển lực lượng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chiến lược; tập trung đầu tư vào các phòng thí nghiệm quốc gia, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ hàng đầu, trung tâm đổi mới sáng tạo.

Điều 12. Chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chính phủ xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn, chương trình phát triển công nghệ chiến lược trong đó xác định cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm cơ sở để bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hằng năm.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của mình; quản lý và sử dụng ngân sách hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; chịu trách nhiệm giải trình về hiệu quả thực hiện.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Nhiệm vụ, dự án sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước đầu tư ngân sách để tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các dự án trọng điểm.

2. Hằng năm, ngân sách nhà nước hỗ trợ các tổ chức nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, bao gồm kinh phí hoạt động và tăng cường trang thiết bị.

3. Nhà nước tài trợ từ ngân sách nhà nước các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do các tổ chức, cá nhân đề xuất.

4. Nhà nước đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ để tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhằm phục vụ quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, phát triển các công nghệ trọng điểm và giải quyết các vấn đề cấp thiết. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt hàng nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận và ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ.

5. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thể được xét tài trợ, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thông qua cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ, trong đó: cụm nhiệm vụ là một nhóm nhiệm vụ liên kết với nhau tập trung vào một vấn đề chung hoặc giao cho cùng một tổ chức chủ trì; chuỗi nhiệm vụ là một loạt các nhiệm vụ liên kết chặt chẽ với nhau theo từng giai đoạn nghiên cứu và phát triển.

6. Các tổ chức chủ động xây dựng, xét chọn các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trong khuôn khổ kinh phí được giao hoặc từ các nguồn kinh phí tự chủ khác.

7. Sau khi được phê duyệt, các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai thông qua hợp đồng giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Ngân sách nhà nước được cấp để thực hiện các nhiệm vụ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt là những nhiệm vụ được áp dụng cơ chế đầu tư và quản lý đặc thù, bao gồm: các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, nhiệm vụ có quy mô lớn trực tiếp phục vụ quốc

phòng, an ninh, nhiệm vụ có tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

1. Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương xây dựng một số chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ hướng đến mục tiêu chiến lược trong từng giai đoạn cụ thể.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Thống kê, đo lường, đánh giá kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước tổ chức và đảm bảo kinh phí đánh giá kết quả, hiệu quả của tổng thể hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Đánh giá tổng thể kết quả triển khai chiến lược, kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Đánh giá kết quả chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Đánh giá tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nguyên tắc triển khai đánh giá bao gồm:

a) Dựa trên bộ tiêu chí về đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả hoạt động và mức độ đóng góp của tổ chức đối với năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Dựa trên thông tin thống kê, báo cáo, ưu tiên thực hiện trên môi trường số, đặc biệt là sử dụng Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Được thực hiện theo nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch, đúng pháp luật;

d) Việc đánh giá chương trình, nhiệm vụ thuộc Danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo tiêu chí riêng.

3. Kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh nội dung, phương hướng triển khai và định hướng đầu tư thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ và sắp xếp bộ máy tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Kinh phí thực hiện đánh giá được bố trí trong dự toán ngân sách cho hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc phát triển hạ tầng số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch.

2. Nhà nước khuyến khích ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả của các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc đổi mới lực lượng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành và duy trì Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, là nền tảng số phục vụ triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời lưu trữ thông tin liên quan.

4. Toàn bộ quá trình hình thành, triển khai, kết quả thực hiện và thương mại hóa các nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước (trừ trường hợp thuộc Danh mục bí mật nhà nước) phải được ghi nhận và lưu trữ trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

5. Việc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất dùng chung cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được thực hiện trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

6. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký và lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước không thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, thì không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi nếu đã thực hiện đầy đủ quy định quản lý

nhiệm vụ, quy trình và nội dung nghiên cứu, nhưng kết quả nghiên cứu không đạt mục tiêu dự kiến hoặc sản phẩm không được thị trường chấp nhận.

3. Tổ chức, cá nhân phê duyệt và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước được miễn trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ các quy định, quy trình về quản lý nhiệm vụ nhưng kết quả nghiên cứu không đạt kỳ vọng hoặc sản phẩm không được thị trường chấp nhận.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới

1. Chính phủ thiết lập môi trường thử nghiệm có kiểm soát để triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong điều kiện thực tế, trong phạm vi giới hạn, trong một số lĩnh vực mà pháp luật chưa quy định hoặc chưa phù hợp. Kết quả thử nghiệm là cơ sở để cơ quan nhà nước đánh giá rủi ro và đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật.

2. Môi trường thử nghiệm phải quy định rõ giới hạn về thời gian, không gian địa lý, quy mô, đối tượng tham gia và các điều kiện khác. Thời hạn thử nghiệm tối đa là 03 năm, có thể gia hạn 01 lần không quá 03 năm.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm, phê duyệt đề án thử nghiệm không chịu trách nhiệm dân sự, hành chính, hình sự nếu tuân thủ đầy đủ quy trình, đề án, quy chế thử nghiệm và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp đã biết hoặc phải biết về rủi ro nhưng không kịp thời báo cáo và không áp dụng biện pháp ngăn ngừa phù hợp.

4. Chính phủ quy định chi tiết đối với thử nghiệm có kiểm soát từng loại hình sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới theo cơ chế ủy quyền lập pháp, trong đó có thể quy định các vấn đề các luật hiện hành chưa quy định hoặc khác các quy định trong các luật hiện hành. Các quy định này được ưu tiên áp dụng so với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, giải mã các công nghệ tiên tiến của nước ngoài

1. Đối với các dự án trọng điểm, phát triển công nghệ chiến lược, kinh phí từ quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Nhà nước và của doanh nghiệp được sử dụng để:

a) Thuê, trả lương chuyên gia theo hình thức chỉ định với mức kinh phí thỏa thuận;

b) Mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ phân tích, giải mã với giá thỏa thuận; sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính là tài sản.

2. Kinh phí thực hiện các hoạt động trên được lấy từ quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Nhà nước và của doanh nghiệp.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phổ biến, lan tỏa tri thức

1. Nhà nước hỗ trợ tài chính cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phổ biến tri thức, truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua giao, tài trợ các nhiệm vụ.

2. Kinh phí doanh nghiệp chi cho khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, thực hiện, thuê hoặc tài trợ cho truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Tạp chí khoa học và công nghệ

1. Tạp chí khoa học và công nghệ là xuất bản phẩm định kỳ nhằm công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Tạp chí phải được xuất bản thông qua các tổ chức được cấp giấy phép xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản.

3. Hội đồng biên tập của tạp chí gồm các chuyên gia hoạt động chuyên trách hoặc tự nguyện và kiêm nhiệm để xét chọn các bài viết đăng trên tạp chí.

4. Các tổ chức có thể hình thành một hay nhiều tạp chí.

Điều 23. Tác giả của kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo

Người trực tiếp thực hiện nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo là tác giả của kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo đó, trừ trường hợp kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc là sáng kiến theo quy định của pháp luật về sáng kiến.

Điều 24. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước giao tự động và không bồi hoàn quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu tài sản trang bị cho tổ chức chủ trì ngay sau khi hình thành tài sản; không phải thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, giao quyền sở hữu.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, hạch toán tài sản, giá trị tài sản theo quy định của pháp luật tương ứng với loại hình hoạt động của tổ chức; sử dụng tài sản phục vụ hoạt động của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sau khi hoàn thành mục đích sử dụng nghiên cứu tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng và quyền sở hữu đối với tài sản trang bị.

Điều 25. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật thực hiện nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu không thuộc phạm vi bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ của người khác tự động và không bồi hoàn; không cần thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu.

Quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức chủ trì không phải là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà tổ chức chủ trì có nhà đầu tư nước ngoài chiếm trên 50% cổ phần hoặc đặt ở nước ngoài;

c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng.

3. Đối với các kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước không thể tách rời với đất thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân thì Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả tự động và không bồi hoàn cho tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất.

4. Tổ chức chủ trì thực hiện theo dõi riêng kết quả, không phải hạch toán chung vào tài sản, giá trị tài sản và vốn nhà nước tại tổ chức; không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản; tiếp tục đầu tư nghiên cứu, phát triển, triển khai ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Chính phủ.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp của doanh nghiệp nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập

được tự chủ, tự quyết định lựa chọn hình thức, phương án tổ chức và giá trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu sáng tạo theo các hình thức: cho thuê, bán, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu, kinh doanh dịch vụ; hợp tác, liên doanh, liên kết. Trường hợp có hoạt động góp vốn từ kết quả nghiên cứu thì được tự quyết định: phương án góp vốn, xác định vốn và tỷ lệ vốn góp, phân chia kết quả từ hoạt động từ hợp tác, liên doanh, liên kết.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ chịu trách nhiệm áp dụng các biện pháp để phòng, chống thất thoát, lãng phí và công khai minh bạch thông tin thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

3. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì trong việc sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả, phòng ngừa xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 27. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Lợi nhuận thu được từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được sử dụng cho các mục đích sau:

a) Thưởng cho tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cá nhân trực tiếp tham gia thương mại hóa kết quả; đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, tác giả được hưởng tối thiểu 30% lợi nhuận;

b) Tái đầu tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;

c) Các khoản chi khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III.

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 28. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu cơ bản

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển nghiên cứu cơ bản theo định hướng có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao tiềm lực và vị thế khoa học quốc gia thông qua đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo kinh phí cho hoạt động nghiên cứu và các hoạt động hỗ trợ nâng cao tiềm lực khác, đặc biệt tập trung cho một số lĩnh vực khoa học có thể mạnh để đạt trình độ khu vực và quốc tế.

2. Phân bổ nguồn lực cho nghiên cứu cơ bản tập trung cho các cơ sở giáo dục đại học, dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động; tập trung xác định yêu

cầu nghiên cứu cơ bản xuất phát từ nhu cầu trong quá trình thực hiện nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội và nhân văn

1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, chú trọng đến nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước do các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học thực hiện; góp phần tạo nền tảng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và con người thông qua đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực và đảm bảo kinh phí cho hoạt động nghiên cứu.

2. Nhà nước thúc đẩy kết nối khoa học xã hội, nhân văn với các lĩnh vực khác, khuyến khích nghiên cứu liên ngành nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, bảo đảm tính nhân văn, bản sắc và phát triển bền vững.

Điều 30. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

1. Nhà nước đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, chú trọng vào các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế, đặc biệt công nghệ cao, công nghệ chiến lược do các đơn vị nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp thực hiện thông qua hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên, chi đầu tư và các nhiệm vụ tăng cường năng lực, dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động.

2. Nhà nước thúc đẩy toàn bộ quá trình nghiên cứu, phát triển sản phẩm thông qua tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển thử nghiệm, phát triển công nghệ, kiểm thử thí điểm, sản xuất thử nghiệm,.

3. Nhà nước thúc đẩy gắn kết giữa doanh nghiệp với các đơn vị nghiên cứu thông qua tài trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức liên kết.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Chính sách của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược

1. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ, đầu tư, hợp tác và giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp Việt Nam trong nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược thông qua:

a) Hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm dùng chung để phát triển công nghệ chiến lược đặt tại doanh nghiệp;

b) Đặt hàng, giao nhiệm vụ cùng với hỗ trợ kinh phí một phần cho doanh nghiệp triển khai các dự án phát triển công nghệ chiến lược;

c) Cùng đầu tư với doanh nghiệp theo hình thức hợp tác công tư vào các dự án phát triển công nghệ chiến lược.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 32. Thúc đẩy hợp tác và chia sẻ trong nghiên cứu khoa học

Nhà nước khuyến khích chia sẻ dữ liệu, phương pháp, kết quả nghiên cứu khoa học một cách minh bạch, dễ tiếp cận và có thể tái sử dụng, đồng thời bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm. Nhà nước xây dựng hạ tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật để chia sẻ dữ liệu và công bố khoa học, bảo đảm tính bảo mật, khả năng tương tác và tái sử dụng. Doanh nghiệp và cộng đồng được khuyến khích tham gia sử dụng và đóng góp dữ liệu, kết quả nghiên cứu.

Điều 33. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải lập hạng mục chi cho ứng dụng, nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng căn cứ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Chương IV.

PHÁT TRIỂN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 34. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong doanh nghiệp, thông qua tài trợ các nhiệm vụ tập trung vào triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

2. Nhà nước tài trợ các nhiệm vụ phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

3. Nhà nước thúc đẩy doanh nghiệp tiếp nhận và làm chủ công nghệ từ nước ngoài bằng cách tài trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp hấp thụ và ứng dụng công nghệ hiệu quả.

4. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao trình độ công nghệ, tăng năng suất, cải thiện chất lượng và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa thông qua các chính sách về tài chính, ưu đãi thuế, đất đai, đầu thầu và tín dụng.

5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp đầu tư, tài trợ cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. Tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 35. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng cường trang thiết bị trong doanh nghiệp

1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động này.

2. Chi phí trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, cũng như chi phí mua sắm hoặc thuê trang thiết bị phục vụ các hoạt động này, được tính vào chi phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 36. Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Nhà nước thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thông qua các chính sách về thúc đẩy và lan tỏa nhận thức, xây dựng, phổ biến khuôn mẫu hành vi, tổ chức sự kiện, trình diễn, giải thưởng về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 37. Hệ thống đổi mới sáng tạo

Nhà nước thúc đẩy phát triển toàn diện hệ thống đổi mới sáng tạo, bao gồm: hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, các hệ thống đổi mới sáng tạo vùng, hệ thống đổi mới sáng tạo địa phương, hệ thống đổi mới sáng tạo ngành; khuyến khích phát triển các mạng lưới đổi mới sáng tạo, cụm đổi mới sáng tạo; hỗ trợ đơn vị nghiên cứu và doanh nghiệp liên kết, hợp tác trong hoạt động đổi mới sáng tạo.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 38. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và tạo doanh thu từ sản phẩm, hàng hóa hình thành từ các hoạt động này.

2. Ngoài các ưu đãi chung, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai; ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; được ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại các phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương

1. Chính phủ thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia cho khởi nghiệp sáng tạo. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương cho khởi nghiệp sáng tạo. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách địa phương, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, không vì mục tiêu bảo toàn vốn.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Sàn giao dịch vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

1. Chính phủ thành lập Sàn giao dịch khởi nghiệp sáng tạo quốc gia dưới hình thức nền tảng số, đầu tư hạ tầng và thuê đơn vị chuyên nghiệp quản trị, vận hành tổ chức và quản lý nhằm niêm yết và kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Sàn hoạt động dựa trên các nguyên tắc minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia, phù hợp với đặc thù rủi ro cao và tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao được xem xét giao dịch vốn trên sàn giao dịch chứng khoán theo cơ chế thẩm định riêng phù hợp với đặc thù của khởi nghiệp sáng tạo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V.

XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

TỔ CHỨC VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 41. Hệ thống tổ chức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhà nước thúc đẩy phát triển các tổ chức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không phân biệt công lập hay ngoài công lập, bao gồm:

1. Tổ chức khoa học và công nghệ.
2. Cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện, doanh nghiệp và các tổ chức khác thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.
3. Tổ chức hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, trong đó bao gồm trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 42. Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ điều kiện:
 - a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b) Có nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động;
 - c) Đối với tổ chức công lập, phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
 - d) Đối với tổ chức có vốn nước ngoài, có mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu phát triển của Việt Nam và được cho phép đặt trụ sở làm việc tại Việt Nam.

2. Cá nhân được thành lập, góp vốn thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực theo quy định.

3. Tổ chức được thành lập đáp ứng các quy định của Điều này, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ sau khi tiến hành đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức khoa học và công nghệ được lựa chọn đăng ký là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và được Nhà nước hỗ trợ qua chính sách thuế thu nhập.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ

1. Chính phủ quy định thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các cơ quan nhà nước; đơn vị vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và điều lệ.

3. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân hoặc nhóm các cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của mình.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyết định việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 44. Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phạm vi được cấp giấy chứng nhận; được hoạt động trong các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện và chi nhánh ở nước ngoài có phạm vi hoạt động phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký tại Việt Nam theo quy định pháp luật.

3. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ, góp vốn bằng tiền, tài sản, quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật.

4. Chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định pháp luật

5. Là đối tượng ưu tiên hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập, thuế nhập khẩu

6. Được hỗ trợ sử dụng hạ tầng khoa học và công nghệ được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

7. Được ưu tiên bố trí quỹ đất cho các tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 45. Nghĩa vụ của tổ chức khoa học và công nghệ

Thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ; bảo đảm duy trì đáp ứng các điều kiện của tổ chức khoa học và công nghệ trong suốt quá trình hoạt động; thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện trách nhiệm phổ biến tri thức, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 46. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

1. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ để bảo đảm tuân thủ tiêu chí, mục tiêu thành lập, làm cơ sở hỗ trợ kinh phí, điều chỉnh, đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động.

2. Chịu trách nhiệm thực hiện việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ do mình thành lập sau khi xử lý các khoản nợ.

Điều 47. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: tổ chức khoa học và công nghệ do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

2. Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đồng thời được giao quyền tự chủ cao, gồm: chủ động sử dụng nguồn tài chính, quản lý bộ máy, số lượng nhân sự, tuyển dụng và quản lý viên chức, người lao động.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có cán bộ đồng cơ hữu với các cơ sở giáo dục đại học sử dụng cơ chế trả lương theo tỉ lệ thời gian làm việc.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thành lập, góp vốn tham gia thành lập, cử cán bộ tham gia điều hành doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ; được cử cán bộ làm việc định kỳ tại doanh nghiệp nhằm kết nối với nhu cầu thực tiễn.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 48. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc biệt

1. Các tổ chức khoa học và công lập đặc biệt được Nhà nước cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động bao gồm:

a) Tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập trên cơ sở văn bản hợp tác với các tổ chức quốc tế, các quốc gia để trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực Việt Nam ưu tiên đầu tư.

b) Các trung tâm, các viện nghiên cứu xuất sắc được thành lập để tập hợp các chuyên gia, các nhà khoa học đến làm việc kiêm nhiệm.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 49. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập là quy hoạch ngành quốc gia và phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

1. Tổ chức được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo khi đáp ứng các điều kiện và tiến hành đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo theo cấp độ: Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; Trung tâm đổi mới sáng tạo.

3. Công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo cấp độ: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 51. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trung tâm đổi mới sáng tạo công lập, tổ chức khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập để phục vụ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC, NHÂN TÀI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 52. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: cá nhân quản lý, trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 53. Chức danh khoa học, chức danh công nghệ

1. Chức danh khoa học, chức danh công nghệ là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

2. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học được xét công nhận và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học.

3. Người có học vị tiến sĩ hoặc có công trình xuất sắc, giải thưởng cao về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 54. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Được đơn vị công tác giao nhiệm vụ, trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc phù hợp.

2. Được tham gia tư vấn, đề xuất ý kiến về chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Được bố trí công việc trong các tổ chức công lập theo chức danh phù hợp với năng lực, trình độ khoa học, công nghệ theo quy định pháp luật.

4. Viên chức trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được góp vốn, quản lý, điều hành doanh nghiệp do tổ chức thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức; được định kỳ cử sang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp trong thời gian nhất định để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực, nắm bắt nhu cầu công nghệ, đồng thời được giữ nguyên chế độ lương, quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng. Nếu là người đứng đầu tổ chức công lập, phải có sự đồng ý của cấp trên trực tiếp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 55. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tuân thủ các quy định về đạo đức, liêm chính trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Thực hiện trách nhiệm truyền thông, phổ biến tri thức, kết quả, thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho cộng đồng.

3. Không tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có xung đột lợi ích với tổ chức nơi làm việc chính thức.

4. Không cung cấp, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ trái với quy định của tổ chức nơi làm việc chính thức, thỏa thuận với tổ chức đầu tư, tài trợ.

Điều 56. Thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước xác định nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dựa trên các tiêu chí sau:

a) Trình độ học thuật được xác định thông qua các yếu tố như tốt nghiệp các trường hàng đầu thế giới, công bố nghiên cứu trên các tạp chí uy tín khoa học hàng đầu thế giới;

b) Kinh nghiệm làm việc được xác định thông qua các yếu tố như làm việc tập đoàn lớn, viện nghiên cứu quốc tế lớn hoặc có đóng góp cho các dự án trọng điểm quốc gia;

c) Năng lực đột phá được xác định thông qua việc sở hữu bằng sáng chế, giải thưởng quốc tế lớn, vai trò dẫn dắt khởi nghiệp sáng tạo thành công.

2. Nhà nước có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các ưu đãi tài chính, ưu đãi phi tài chính và ưu đãi về điều kiện làm việc.

3. Nhà nước thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên phạm vi cả nước.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 57. Ưu đãi đối với cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; được ưu tiên trong bổ nhiệm, tuyển dụng, xếp vị trí việc làm, thu nhập, thuế thu nhập cá nhân, lao động, nhà ở, xuất nhập cảnh, cư trú và cấp giấy phép lao động.

2. Nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, nhà khoa học, kỹ sư chủ trì nhiệm vụ đặc biệt quan trọng được hưởng thêm các ưu đãi:

a) Hưởng lương, phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận; được bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ;

b) Điều động nhân lực, kinh phí, nguồn lực bảo đảm thực hiện nhiệm vụ;

c) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước; tự quyết việc mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ trong phạm vi kinh phí được giao.

3. Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng được ưu tiên hỗ trợ nâng cao trình độ ở nước ngoài, chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, và thành lập nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 58. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được đặt và tặng giải thưởng nhằm khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 59. Công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 3.

HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 60. Xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, duy trì và vận hành cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung phát triển các thư viện, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đặc biệt là các hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược.

2. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung trong một số lĩnh vực để phục vụ đào tạo, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

3. Tổ chức quản lý các cơ sở vật chất tại khoản 2 có trách nhiệm:

- a) Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng chung;
- b) Công khai danh mục thiết bị, tư liệu và tổ chức sử dụng trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;
- c) Công khai chi phí liên quan, báo cáo định kỳ về hiệu quả sử dụng.

4. Tổ chức quản lý các cơ sở vật chất tại khoản 2 có thể thu phí dịch vụ dựa trên chi phí thực tế, bao gồm bảo trì, sửa chữa, vận hành và khấu hao, theo định mức kinh tế - kỹ thuật được công bố công khai.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 61. Cụm, khu nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tập trung

Nhà nước khuyến khích phát triển các cụm, khu nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tập trung bao gồm: các khu công nghệ cao, công viên khoa học, cụm đổi mới sáng tạo nhằm tập trung các tổ chức liên kết hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, sản xuất, kinh doanh.

Điều 62. Hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

1. Nhà nước đầu tư xây dựng, phát triển, tham gia khai thác hạ tầng, hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo ở trong nước và tại nước ngoài để kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia với quốc tế.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 63. Xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư hạ tầng thông tin, nguồn tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phục vụ nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thu thập, xử lý, quản lý và phổ biến thông tin, tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu mở phục vụ cộng đồng.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tài trợ và tham gia các hoạt động được quy định Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 64. Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng tập trung, thống nhất, kết nối các cơ quan, tổ chức trên môi trường mạng để phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp thông tin

2. Tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ, tài trợ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định.

3. Kinh phí xây dựng, nâng cấp, duy trì và vận hành hệ thống được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 4.

TÀI CHÍNH CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 65. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung bình ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước trong mỗi giai đoạn 5 năm, tăng dần theo yêu cầu phát triển, trong đó tối thiểu 15% dành cho công nghệ chiến lược.

2. Việc phân bổ ngân sách chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại trung ương và địa phương phải gắn với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo, kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm và hằng năm, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và công nghệ ưu tiên.

3. Ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được sử dụng có trọng tâm, trọng điểm căn cứ theo kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, gắn với đề cao trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan địa phương.

4. Nhà nước có chính sách để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, bảo đảm đạt tỷ lệ trên 60% tổng đầu tư toàn xã hội cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 66. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ngân sách Nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng cho:

- a) Chi phát triển, duy trì tiềm lực;
- b) Chi cho các hoạt động thông qua các dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- c) Chi cho các nhiệm vụ hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo;
- d) Chi hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới, phát triển công nghệ, triển khai đổi mới sáng tạo, chi đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;
- đ) Chi quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- e) Chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ đầu tư mạo hiểm;
- g) Các nội dung chi khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 67. Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Lập dự toán:

a) Dự toán ngân sách hằng năm phải phù hợp với kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương. Dự toán ngân sách hằng năm bao gồm dự toán kinh phí để triển khai các nhiệm vụ thông qua các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí triển khai các nhiệm vụ không qua quỹ và các khoản kinh phí khác;

b) Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ thông qua các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm

vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

c) Các khoản nợ phải thu từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã kết thúc, nếu không có khả năng thu hồi, sẽ được khoan nợ mà không trừ vào dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị dự toán ngân sách.

2. Phân bổ ngân sách:

a) Ưu tiên phân bổ kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước;

b) Phần kinh phí không phân bổ qua các quỹ được phân bổ và giao dự toán về đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

3. Quản lý và sử dụng ngân sách:

a) Ngân sách phải được sử dụng hiệu quả, đảm bảo tiến độ giải ngân và chịu sự thanh tra, kiểm tra, đánh giá thường xuyên;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện, kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; lưu trữ đầy đủ chứng từ và giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu;

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được chi theo ủy nhiệm của tổ chức chủ trì và quyết toán sau khi hoàn thành hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính;

d) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần theo nội dung nghiên cứu. Tổ chức chủ trì được tự chủ sử dụng kinh phí khoán, trừ kinh phí chi mua tài sản trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ, thuê dịch vụ thuê ngoài chưa có tiêu chuẩn, định mức và đoàn đi công tác nước ngoài; được quyền điều chỉnh các nội dung chi trong cùng loại hình chi và sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, lưu trữ chứng từ và giải trình khi được yêu cầu.

Kinh phí chi cho công lao động phải nhập vào nguồn thu của tổ chức chủ trì để trả cho cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ, hỗ trợ nhiệm vụ và những nội dung thuê khoán chuyên môn khác.

4. Quyết toán ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 68. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ quốc gia và Quỹ đổi mới sáng tạo quốc gia

1. Chính phủ thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia là quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác để tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí đối với nhiệm vụ phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác để thúc đẩy cho việc ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên thị trường. Phương thức hỗ trợ ngân sách nhà nước từ Quỹ này được thực hiện thông qua việc hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh cho vay, tài trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

4. Cơ quan quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là đơn vị công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì đúng mục đích, yêu cầu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 69. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy theo tình hình thực tế thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nguồn kinh phí của quỹ được hình thành từ kinh phí cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Quỹ phải được định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các đơn vị hiện có để thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị quản lý quỹ bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước đã cấp đúng tiến độ và có hiệu quả.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Điều 70. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được hình thành từ nguồn vốn và tài sản đóng góp của tổ chức, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

3. Tổ chức được phép sử dụng quỹ để trực tiếp thực hiện, hợp tác hoặc thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng, mua sản phẩm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thực hiện mua bán, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành, tham gia góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm.

4. Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ để tổ chức nghiên cứu, thuê nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư.

5. Doanh nghiệp được phép trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ. Doanh nghiệp nhà nước có thể trích vượt mức này nếu được đại diện chủ sở hữu nhà nước chấp thuận trên cơ sở doanh nghiệp đảm bảo có lãi, hiệu quả.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 71. Chính sách hỗ trợ tín dụng đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tổ chức vay vốn để đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ưu tiên xem xét hỗ trợ lãi suất từ các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Nhà nước, ngân hàng phát triển Việt Nam.

Điều 72. Cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước

1. Ưu tiên mua sắm sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước:

a) Nhà nước ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu

khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nước rong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược nếu có chất lượng tương đương nhập ngoại và giá cao hơn không quá 20% so với sản phẩm nhập ngoại;

b) Sản phẩm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nước đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và tính hiệu quả kinh tế được đưa vào danh mục ưu tiên đấu thầu mua sắm công;

c) Nhà nước ưu tiên thử nghiệm, thí điểm sử dụng sản phẩm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có sản phẩm thay thế trong nước hoặc có tiềm năng phát triển trước khi triển khai mua sắm quy mô lớn.

2. Hỗ trợ kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm:

a) Nhà nước hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao để thực hiện thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi đưa vào danh mục mua sắm công;

b) Doanh nghiệp có công nghệ, sản phẩm công nghệ mới được xem xét tài trợ toàn bộ chi phí kiểm định, chứng nhận tiêu chuẩn kỹ thuật từ ngân sách nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 73. Kinh phí dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

1. Chi phí chi cho trực tiếp thực hiện, thuê, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo ngoài quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp được tính vào chi phí để trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG VI

HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 74. Nguyên tắc hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tích cực, chủ động hội nhập trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi; tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ toàn cầu.

2. Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác, đầu tư với nước ngoài; bảo đảm ngân sách, cơ chế tài chính phù hợp để tham gia các hoạt động hội nhập.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chuẩn mực quốc tế và gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, tận dụng nguồn lực quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đối với công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

Điều 75. Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tham gia xây dựng, định hình các cơ chế hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khu vực và quốc tế.

2. Tham gia các tổ chức, hiệp hội khu vực và quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Tham gia với các tổ chức nước ngoài, quốc tế trong việc thành lập tổ chức, triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chung.

4. Thu hút, thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài.

5. Tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

6. Phát triển mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài.

Điều 76. Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước tài trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác song phương, đa phương, chuyển giao công nghệ.

2. Kinh phí tài trợ, đặt hàng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong các hoạt động hợp tác quốc tế được sử dụng theo quy định của tổ chức cấp kinh phí, đồng thời bảo đảm không vi phạm pháp luật Việt Nam.

3. Nhà nước đóng góp vào quỹ nghiên cứu chung với các quốc gia, tổ chức quốc tế theo hiệp định, thỏa thuận đã ký kết.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 77. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước; chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể để bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Phân cấp, phân quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Quy định chi tiết đối với thử nghiệm có kiểm soát từng loại hình sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới theo cơ chế ủy quyền lập pháp.

4. Hằng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện chính sách, biện pháp để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 78. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 79. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 Luật Công nghệ cao như sau:

“Điều 6a. Công nghệ chiến lược

1. *Công nghệ chiến lược* là tập hợp các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, công nghệ số và các công nghệ khác theo quy định của pháp luật, có khả năng tạo đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng vai trò nền tảng tạo ra các ngành mới và có tầm quan trọng chiến lược đối với an ninh quốc gia.

2. Sản phẩm công nghệ chiến lược được hình thành từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa cao, đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. *Hoạt động công nghệ chiến lược* là hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số hoạt động đặc thù khác để tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ chiến lược.

4. *Doanh nghiệp công nghệ chiến lược* là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược, cung ứng dịch vụ công nghệ chiến lược, có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

5. Doanh nghiệp công nghệ chiến lược, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động công nghệ chiến lược được chứng nhận và hưởng chính sách ưu đãi theo các quy định của pháp luật về công nghệ cao, công nghệ số và một số ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt khác.

6. Nhà nước bảo đảm ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ cho nghiên cứu công nghệ chiến lược.

7. Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”

Điều 80. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 38. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia như sau:

“Điều 38. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.”.

2. Bổ sung Điều 21a sau Điều 21 Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

“Điều 21a. Đánh giá, thẩm định, chuyển giao công nghệ trong trường hợp đặc thù

1. Đánh giá, thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù

a) Dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Điều 13 Luật này, cần thiết thẩm định công nghệ nhằm thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ, cấp giấy phép bảo vệ môi trường hoặc các nhu cầu khác phục vụ hoạt động theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đánh giá, thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.

2. Trong gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế để thực hiện dự án quan trọng quốc gia, hồ sơ mời thầu phải có điều kiện cam kết của tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

3. Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định một số lĩnh vực dự án đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư phải chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

“Điều 39. Chính sách ưu đãi để thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ

1. Những đối tượng sau đây được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế:

a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, vật mẫu, công nghệ trong nước chưa tạo ra được nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giải mã, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; tài liệu, sách báo khoa học phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức trung gian của thị

trường khoa học và công nghệ có thu nhập từ hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển giao công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp;

d) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

2. Ưu đãi đối với nhà đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam

a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dự án sử dụng công nghệ chiến lược có thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

b) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dự án sử dụng công nghệ khuyến khích chuyển giao có thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 20 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

3. Ưu đãi cho doanh nghiệp Việt Nam nhận chuyển giao công nghệ

a) Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện dự án đầu tư nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 20 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

b) Doanh nghiệp Việt Nam có dự án đầu tư nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 15 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

c) Doanh nghiệp Việt Nam có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 7 năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

Điều 81. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Sửa đổi quy định tại khoản 10 Điều 3:

”10. *Dự án sử dụng vốn nhà nước* là các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh.”

2. Bãi bỏ Điều 105.

Điều 82. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 7 và khoản 13 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“Thu nhập từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm có kiểm soát; sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“Khoản tài trợ, hỗ trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau

“13. Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Thu nhập chịu thuế bằng doanh thu trừ các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh cộng thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam.

Đối với các khoản chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật này thì được tính bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này trong kỳ tính thuế. Trường hợp đối với khoản chi cho phát triển công nghệ chiến lược thì được tính bằng 200% chi phí thực tế.

3. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 9 như sau:

“c) Các khoản chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

4. Bổ sung khoản 2a, 2b sau khoản 2 Điều 14 như sau:

“2a. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế thu nhập 4 năm và giảm 50% thuế thu nhập 9 năm tiếp theo; được giảm 50% tiền thuê đất trong thời gian 15 năm tính từ ngày được cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia.

2b. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 15% trong 15 năm, miễn thuế thu nhập 4 năm và giảm 50% thuế thu

nhập 9 năm tiếp theo; được giảm 50% tiền thuê đất trong thời gian 15 năm tính từ ngày được cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.”.

5. Bổ sung Điều 14a sau Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

“Điều 14a. Ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm; được miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ có dự án đầu tư mới về nghiên cứu, phát triển được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm; được miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, không bị trừ đi thời gian ưu đãi đã hưởng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Doanh nghiệp khi có sản phẩm, dịch vụ mới được cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp tục được hưởng mức, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như lần đầu cấp mới.”.

6. Bổ sung khoản 4a, 4b Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

“Điều 13. Thuế suất ưu đãi

4a. Thuế suất ưu đãi đối với nhà đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam:

a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dự án sử dụng công nghệ chiến lược có thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 10% trong thời gian 30 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

b) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dự án sử dụng công nghệ khuyến khích chuyển giao có thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 15% trong thời gian 20 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

4b. Thuế suất ưu đãi cho doanh nghiệp Việt Nam nhận chuyển giao công nghệ:

a) Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện dự án đầu tư nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 10% trong 20 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

b) Doanh nghiệp Việt Nam có dự án đầu tư nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao, công nghệ thu giữ, lưu trữ các-bon, giảm phát thải khí nhà kính được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 15% trong 15 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

c) Doanh nghiệp Việt Nam có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ được hưởng thuế suất thuế thu nhập ưu đãi 15% trong 7 năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 1b vào Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

“Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế

“1. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 4a, điểm b khoản 4b Điều 13 của Luật này và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.

1b. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại điểm a khoản 4a, điểm a khoản 4b Điều 13 Luật này được miễn thuế thu nhập 5 năm, giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 10 năm tiếp theo.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên của Điều 17 như sau:

“Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp”

b) Sửa đổi khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.”.

c) Thay thế cụm từ “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp” thành “Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp” tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 83. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau:

“Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

1. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

2. Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.”.

Điều 84. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như sau:

“13. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.”

Điều 85. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước như sau:

1. Thay thế cụm từ tại một số điều của Luật Ngân sách nhà nước như sau:

“a) Thay thế cụm từ “khoa học và công nghệ” bằng cụm từ “khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” tại khoản 5 Điều 8, điểm b khoản 4 Điều 19, điểm c khoản 1 Điều 30, điểm d khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 38, điểm d khoản 2 Điều 42;

b) Thay thế cụm từ “kinh phí nghiên cứu khoa học” bằng cụm từ “kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo” tại điểm e khoản 3 Điều 64.”.

2. Sửa đổi điểm d và bổ sung điểm d1 khoản 2 Điều 42 của Luật Ngân sách nhà nước như sau:

“d) Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bảo đảm tỷ lệ và quy định của pháp luật có liên quan;

d1) Ưu tiên cấp kinh phí nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoạt động theo cơ chế quỹ:

- Kinh phí nhà nước cấp hằng năm cho quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm kinh phí cho các nhiệm vụ mở mới và chuyển tiếp,

được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước.

- Dự toán dành cho các nhiệm vụ mở mới dựa trên cơ sở dự kiến số lượng và kinh phí trung bình của các nhiệm vụ sẽ được phê duyệt trong năm kế hoạch.”.

3. Bổ sung khoản 19a sau khoản 19 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước như sau:

“19a. Các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không phải là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.”.

Điều 86. Sửa đổi, bổ sung Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp như sau:

Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 1 Điều 59 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Kết quả thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp đối với các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được loại trừ ảnh hưởng của các khoản chi, khoản đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; các khoản tài trợ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp; đầu tư, tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi xác định các chỉ tiêu này;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch; việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, đầu tư vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo mà Chủ sở hữu giao”.

Điều 87. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu như sau:

1. Bổ sung khoản 5 Điều 2 Luật Đấu thầu như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân có hoạt động mua sắm thuộc các trường hợp sau đây không áp dụng quy trình, thủ tục quy định tại Luật Đấu thầu:

a) Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện việc mua sắm mà không phải áp dụng quy định tại Luật này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật;

b) Đối với việc mua sắm không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cá nhân, tổ chức tham gia nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo mà không phải là cơ quan nhà nước,

đơn vị sự nghiệp công lập thì cá nhân, tổ chức đó tự quyết định việc mua sắm bảo đảm đầy đủ chứng từ, hóa đơn mà không phải áp dụng quy trình, thủ tục quy định tại Luật này;

c) Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện mua gom trực tiếp hàng hóa, dịch vụ từ hộ gia đình, cá nhân mà không phải áp dụng quy trình, thủ tục quy định tại Luật này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm g khoản 1 Điều 10 Luật Đấu thầu như sau:

“c) Nhà thầu trong nước cung cấp dịch vụ, sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu;

g) Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.”.

Điều 88. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư như sau:

1. Bổ sung Khoản 6a sau Khoản 6 Điều 3 Luật Đầu tư như sau:

“6a. Dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là dự án đầu tư mà doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh mới hoặc thay thế toàn bộ công nghệ hiện có trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư như sau:

“a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;”.

Điều 89. Bổ sung khoản 4 Điều 14 Luật Viên chức như sau:

“4. Viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức.

Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập cơ sở giáo dục đại học công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.”.

Điều 90. Sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai như sau:

Bổ sung điểm m khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai như sau:

“m) Sử dụng đất vào mục đích ứng dụng, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.”.

Điều 91. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 154 Bộ luật Lao động như sau:

“5. Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được hoặc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ chiến lược và đào tạo nguồn nhân lực. Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để hỗ trợ kỹ thuật, tham gia nghiên cứu chung, làm việc tại các trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh.”.

Điều 92. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp như sau:

“b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác;”

Điều 93. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. Bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 10 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

“6. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ chiến lược và đào tạo nguồn nhân lực đề nghị cấp thị thực không phải có giấy tờ chứng minh mục đích nhập cảnh.

7. Cá nhân là công dân nước ngoài làm việc cho trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh tại Việt Nam được cấp thị thực trong thời hạn tối đa 02 năm, có thể gia hạn theo quy định của pháp luật khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Nhận được cam kết làm việc của trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh tại Việt Nam;

b) Không có tiền án, tiền sự và có hộ chiếu còn hiệu lực ít nhất 2 năm tại thời điểm nộp hồ sơ;

c) Chứng minh đủ nguồn tài chính để tự chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian lưu trú tại Việt Nam.

8. Cá nhân là công dân nước ngoài, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hỗ trợ, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam được cấp thị thực trong thời hạn tối đa 02 năm, có thể gia hạn theo quy định của pháp luật khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Đã thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Có dự án khởi nghiệp sáng tạo, hoặc công nghệ, tài sản trí tuệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới;

c) Nhận được cam kết đầu tư từ nhà đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo;

d) Không có tiền án, tiền sự và có hộ chiếu còn hiệu lực ít nhất 2 năm tại thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Chứng minh đủ nguồn tài chính để tự chi trả chi phí sinh hoạt và vận hành doanh nghiệp trong thời gian lưu trú tại Việt Nam.”.

Điều 94. Quy định chuyên tiếp

1. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

2. Các đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 mà chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

Đối với tổ chức đã thành lập và đăng ký hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thì trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực có trách nhiệm rà soát các quy định tại Luật này, nếu chưa đáp ứng thì phải tự hoàn thiện theo các điều kiện quy định tại Luật này.

3. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ thành lập mới mà hồ sơ thành lập chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì phải hoàn thiện hồ sơ và tuân theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.

4. Trường hợp các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chưa phù hợp với Luật này, gây khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số quốc gia thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 01 năm.

Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản này, để bảo đảm giải quyết các khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 95. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng ... năm ...
2. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, Điều 3 đến Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

MỤC LỤC

Chương I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 4. Áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	3
Điều 5. Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam	3
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ..	3
Điều 7. Các hành vi bị cấm	4
Điều 8. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến con người.....	4
Điều 9. Đạo đức, liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	4
Điều 10. Trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	5
Chương II.....	5
Điều 11. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo	5
Điều 12. Chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	6
Điều 13. Nhiệm vụ, dự án sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.....	7
Điều 14. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt ...	7
Điều 15. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	8
Điều 16. Thống kê, đo lường, đánh giá kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	8
Điều 17. Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	9
Điều 18. Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	9

Điều 19. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới	10
Điều 20. Cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, giải mã các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.....	10
Điều 21. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phổ biến, lan tỏa tri thức	11
Điều 22. Tạp chí khoa học và công nghệ.....	11
Điều 23. Tác giả của kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo	11
Điều 24. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước	11
Điều 25. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo	12
Điều 26. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ	12
Điều 27. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.....	13
Chương III.....	13
PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	13
Điều 28. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu cơ bản	13
Điều 29. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội và nhân văn.....	14
Điều 30. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ	14
Điều 31. Chính sách của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược	14
Điều 32. Thúc đẩy hợp tác và chia sẻ trong nghiên cứu khoa học	15
Điều 33. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.....	15
Chương IV.....	15
Điều 34. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy đổi mới sáng tạo	15

Điều 35. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng cường trang thiết bị trong doanh nghiệp	16
Điều 36. Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	16
Điều 37. Hệ thống đổi mới sáng tạo	16
Điều 38. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	16
Điều 39. Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương	17
Điều 40. Sàn giao dịch vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	17
Chương V.	17
XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ	17
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	17
Mục 1	17
TỔ CHỨC VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	17
Điều 41. Hệ thống tổ chức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	17
Điều 42. Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ	18
Điều 43. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ	18
Điều 44. Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ	19
Điều 45. Nghĩa vụ của tổ chức khoa học và công nghệ	19
Điều 46. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức khoa học và công nghệ	19
Điều 47. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập	20
Điều 48. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc biệt	20
Điều 49. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập	20
Điều 50. Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	20
Điều 51. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	21
Mục 2	21

Điều 52. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	21
Điều 53. Chức danh khoa học, chức danh công nghệ	21
Điều 54. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	21
Điều 55. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	22
Điều 56. Thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	22
Điều 57. Ưu đãi đối với cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	23
Điều 58. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	23
Điều 59. Công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	24
Mục 3.	24
HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	24
.....	24
Điều 60. Xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	24
Điều 61. Cụm, khu nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tập trung	24
Điều 62. Hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	24
Điều 63. Xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	25
Điều 64. Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	25
Mục 4.	25
TÀI CHÍNH CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	25
Điều 65. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	25
Điều 66. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	26

Điều 67. Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	26
Điều 68. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ quốc gia và Quỹ đổi mới sáng tạo quốc gia	28
Điều 69. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	28
Điều 70. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức	29
Điều 71. Chính sách hỗ trợ tín dụng đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	29
Điều 72. Cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước	29
Điều 73. Kinh phí dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	30
CHƯƠNG VI	30
HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	30
Điều 74. Nguyên tắc hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	30
Điều 75. Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	31
Điều 76. Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	31
Chương VII	31
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	31
VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	31
Điều 77. Trách nhiệm của Chính phủ	31
Điều 78. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ	32
Chương VIII	32
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 79. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 Luật Công nghệ cao như sau:	32

- Điều 80. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ như sau: 33**
- Điều 81. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:..... 34**
- Điều 82. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: 35**
- Điều 83. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau: 37**
- Điều 84. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như sau: 38**
- Điều 85. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước như sau: 38**
- Điều 86. Sửa đổi, bổ sung Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp như sau:..... 39**
- Điều 87. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu như sau: 39**
- Điều 88. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư như sau:..... 40**
- Điều 89. Bổ sung khoản 4 Điều 14 Luật Viên chức như sau: 40**
- Điều 90. Sửa đổi bổ sung Luật Đất đai như sau: 41**
- Điều 91. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 154 Bộ luật Lao động như sau: 41**
- Điều 92. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp như sau: 41**
- Điều 93. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:..... 41**
- Điều 94. Quy định chuyển tiếp..... 42**
- Điều 95. Hiệu lực thi hành..... 43**